

Một số đặc điểm của nguồn lực thông tin về biển đảo Việt Nam

Phạm Thị Thu Hương^(*)

Tóm tắt: Trong lý luận và thực tiễn hoạt động thông tin, nguồn lực thông tin (NLTT) là thành phần quan trọng trong bất cứ ngành nghề nào. Trên bình diện quốc gia, NLTT được xem xét là thước đo trình độ phát triển của đất nước, chỉ tiêu phát triển xã hội, trình độ văn minh của dân tộc đó. Việt Nam là quốc gia có ba mặt Đông, Nam và Tây Nam tiếp giáp với biển Đông, bờ biển dài 3.260km từ Móng Cái đến Hà Tiên. Phần biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có thêm lục địa, các đảo và quần đảo lớn nhỏ bao bọc. Để xây dựng được NLTT quốc gia nói chung và NLTT về biển đảo nói riêng phục vụ khai thác có hiệu quả trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia thì việc nghiên cứu đặc điểm của NLTT về biển đảo đất nước là rất quan trọng. Nội dung bài viết giới thiệu một số đặc điểm NLTT về biển đảo tại Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Thông tin, Thông tin biển đảo, Nguồn lực thông tin, Biển đảo Việt Nam

Nguồn lực thông tin hiện nay đã trở thành thuật ngữ liên ngành, được sử dụng nhiều trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý, thông tin-thư viện... Có nhiều ý kiến khác nhau về NLTT, song về cơ bản, theo các nhà khoa học, NLTT được hiểu là phần những thông tin tiềm năng được kiểm soát, có cấu trúc, có thể truy cập được và có giá trị phục vụ cho hoạt động thực tiễn của con người.

Trong hoạt động thông tin, khái niệm NLTT bao hàm tất cả các loại nguồn tin sơ cấp (tư liệu và phi tư liệu) được tổ chức trong các bộ sưu tập (collection), nguồn tin thứ cấp (thông tin cấp 2, cấp 3) được

kiểm soát và tích tụ trong các phương tiện tra cứu (cơ sở dữ liệu, các bảng tra, danh mục,...) tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế-xã hội, khoa học và công nghệ,... Đó là những tài liệu (tài liệu công bố và không công bố, tài liệu chuyên môn, báo cáo, hồ sơ kỹ thuật, công nghệ, v.v...) được tập trung tại các cơ quan thông tin-thư viện và cả ở các cơ quan (bộ, ngành), tổ chức khoa học, cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp và trong tủ sách cá nhân của các nhà khoa học, các chuyên gia.

NLTT về biển đảo được hiểu là không gian thông tin xác định theo đối tượng biển đảo. Thông tin về biển đảo ở đây là các dữ liệu thể hiện dưới dạng văn bản, số, hình ảnh hoặc âm thanh được ghi lại

^(*) ThS., Chi cục Văn thư-Lưu trữ Hải Phòng;
Email: phamhuong4h@gmail.com

trên các phương tiện vật mang khác nhau, các bộ sưu tập mang nội dung về biển đảo, là những thông tin mô tả các yếu tố liên quan đến biển đảo có cấu trúc và có thể truy cập, có giá trị cho người sử dụng, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Ở Việt Nam, NLTT về biển đảo phản ánh các khía cạnh khác nhau về: đường cơ sở, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo, quần đảo Trường Sa, quần đảo Hoàng Sa và các quần đảo khác thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển đảo; chính sách quản lý và bảo vệ biển đảo, quản lý và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, biển đảo...

Năm đặc trưng cơ bản của NLTT nói chung được tác giả Nguyễn Hữu Hùng khái quát bao gồm: tính vật lý; tính cấu trúc; tính truy cập; tính chia sẻ; tính giá trị (Nguyễn Hữu Hùng, 2004). Với tư cách là một loại NLTT đặc biệt, bên cạnh 5 đặc điểm cơ bản của NLTT, NLTT về biển đảo còn có những đặc thù thể hiện ở: tính vật lý, tính chia sẻ, tính giá trị, tính liên ngành.

1. Tính vật lý (thể hiện ở chất liệu, loại hình tài liệu và ngôn ngữ)

** Chất liệu*

Thông tin là nội dung được phản ánh, để trở thành nguồn lực thì phải được ghi lại nhờ một hệ thống dấu hiệu (ngôn ngữ, hình ảnh,...), cố định trên một nền tảng vật chất như giấy, tài liệu... hoặc trong môi trường số hóa trên các vật mang từ tính như đĩa từ, đĩa CD, trong bộ nhớ vi tính. Những nguồn thông tin đó có thể dưới dạng những thực thể tư liệu và phi tư liệu.

Tính vật lý của NLTT về biển đảo Việt Nam thể hiện ở sự độc đáo về vật

mang tin; về ngôn ngữ thể hiện, hình thức trình bày, kỹ thuật chế tác (hình vẽ, hoa văn, ký hiệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh...); bản chính, bản gốc, bản thảo viết tay hoặc có bút tích của các cá nhân tiêu biểu. Chất liệu thể hiện đa dạng trên nhiều loại vật mang tin khác nhau như: lá, gỗ, vải, da, giấy, kim loại, băng, đĩa từ..., nhưng chất liệu giấy vẫn là chủ yếu bởi những ưu điểm vượt trội (nhẹ, dễ di chuyển và bảo quản). Ví dụ: tài liệu về biển đảo thời Nguyễn bên cạnh các loại giấy thông dụng lúc bấy giờ là giấy bản, màu nâu nhạt hoặc đã được tẩy trắng, triều Nguyễn còn sử dụng một số loại giấy cao cấp có độ bền cao, trên đó có phủ nhũ vàng và vẽ các loại hoa văn hình rồng, lân, phượng... hoặc hình mây, mặt trời cách điệu (Nguyễn Thị Phụng, 2013: 27). Tại Thư viện Quốc gia Việt Nam và hệ thống thư viện công cộng, NLTT về biển đảo chủ yếu là chất liệu giấy.

Nhiều tài liệu về biển đảo Việt Nam là tài liệu “quý hiếm” vì đó là những thực thể tiêu biểu của một thời kỳ lịch sử có ý nghĩa pháp lý, được thể hiện trên vật mang tin “độc đáo”, “độc bản”, “độc chiếm”, do vậy khó bỏ khuyết được nếu bị mất hoặc hư hỏng. Nhiều tài liệu có số lượng bản ít, nhiều tài liệu có niên đại cổ và được thể hiện trên những vật mang tin với hình thức đặc biệt như: trên lá cây, trên da, trên đất sét... Ngoài chất liệu bằng giấy là chủ yếu, một khối lượng đáng kể tài liệu độc đáo về biển đảo được thể hiện trên giấy dó, một số được viết trên vải lụa, hoặc trên chất liệu gỗ, kim loại, bằng lá buong, bằng gỗ (mộc bản), bản đồ... được hình thành trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt về thời gian, không gian, địa điểm, nếu mất đi thì không khôi phục, thay thế được.

Một số tài liệu về biên đảo được in ấn thủ công trên cơ sở các ván khắc, hay còn gọi là mộc bản, là những tấm gỗ được khắc chữ ngược để in thành sách và các loại văn bản khác. Đó là các văn bản do các triều đình phong kiến Việt Nam ban hành từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX, khẳng định Việt Nam đã xác lập và thực thi chủ quyền liên tục đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong đó đáng chú ý là bộ sưu tập Châu bản triều Nguyễn, có niên đại từ triều Minh Mạng (1820-1841) đến triều Bảo Đại (1925-1945). Ngoài ra, theo thống kê ban đầu, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV hiện đang bảo quản 210 tấm Mộc bản triều Nguyễn có nội dung liên quan đến biên giới, hải đảo Việt Nam bao gồm: 15 tấm Mộc bản nói về Hoàng Sa và Trường Sa; 62 tấm Mộc bản nói về đảo Phú Quốc; 24 tấm Mộc bản nói về Côn Đảo; 109 tấm Mộc bản nói về biên giới đất liền. Các tấm Mộc bản này đã được Trung tâm triển khai in dập nội dung ra giấy dó, tiến hành số hóa các bản dập và lưu file ảnh ra đĩa CD (Phạm Thị Huệ, Nguyễn Thị Thúy Bình, 2012: 155-156). Bên cạnh đó, trong khối tài liệu hành chính hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, có thể tìm thấy 169 văn bản về biên giới, hải đảo của Việt Nam bao gồm: 69 văn bản về Hoàng Sa, Trường Sa; 81 văn bản về Côn Đảo; 19 văn bản bằng tiếng Việt viết về biên giới đất liền của Việt Nam.

** Loại hình tài liệu*

Xét về loại hình tài liệu, NLTT về biên đảo Việt Nam bao gồm:

- *Bản đồ*: Trung tâm Lưu trữ quốc gia II đang lưu giữ khối tài liệu bản đồ chất liệu bằng giấy có giá trị liên quan đến vấn đề khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường

Sa, hiện đang được bảo quản trong các phong: Sưu tập bản đồ; Phủ Thống đốc Nam kỳ; Phủ Thủ tướng Quốc gia Việt Nam; Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa; Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa; Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa; Bộ Công chánh và Giao thông (Nguyễn Xuân Hoài, 2012: 150-154).

- Châu bản triều Nguyễn:

Châu bản triều Nguyễn là loại văn bản hành chính của triều Nguyễn do các cơ quan chính quyền triều Nguyễn từ Trung ương đến địa phương soạn thảo và thông qua nhà Vua duyệt lãm để truyền đạt ý chỉ hoặc giải quyết các vấn đề về chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội... Châu bản triều Nguyễn viết bằng mực tàu trên giấy dó, chủ yếu được soạn thảo bằng chữ Hán (ngôn ngữ chính thống được sử dụng trong các văn bản hành chính của các triều đại phong kiến Việt Nam) (Ủy ban Biên giới quốc gia, 2013: 204). Như vậy, Châu bản triều Nguyễn là những bản chính, bản gốc do đích thân nhà Vua trực tiếp duyệt lãm nên có độ xác thực, tin cậy cao.

Trong khoảng 772 tập Châu bản triều Nguyễn hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I có một số văn bản về Hoàng Sa và Trường Sa đề cập đến việc nhà Nguyễn cử người đi khảo sát, đo đạc, vẽ bản đồ ở Hoàng Sa, có chế độ thưởng phạt rất rõ ràng đối với những người đi thực hiện công vụ ở Hoàng Sa, việc nhà Nguyễn từng cứu thuyền buôn nước ngoài gặp nạn ở Hoàng Sa và Trường Sa. Đáng chú ý là bộ sưu tập Châu bản có niên đại từ triều Minh Mạng đến triều Bảo Đại phản ánh quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền một cách liên tục dưới triều Nguyễn (Nguyễn Hồng Nhung, 2012: 143).

- *Tài liệu nghe nhìn*: Nhiều tài liệu về biển đảo Việt Nam ghi chép và làm tái hiện lại sự kiện, hiện tượng bằng hình ảnh trực quan và/ hoặc âm thanh.

- *NLTT điện tử*: Là chất liệu mang thông tin hiện đại, được coi như một dạng chất liệu ghi văn bản nguyên gốc, phương tiện bảo quản tài liệu lâu dài, nhưng hiện còn ở mức độ khiêm tốn. Hiện có khoảng 2% NLTT biển đảo được số hóa ở các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Ban Biên giới Chính phủ, Thư viện Quốc gia Việt Nam...

- *Tài liệu, sách, báo, tạp chí, đĩa CD, cơ sở dữ liệu...*: Đối với khối tài liệu Mộc bản triều Nguyễn có nội dung phản ánh về biển đảo Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV đã triển khai in dập nội dung ra giấy dó, đồng thời tiến hành số hóa (scan) các bản dập và lưu file ảnh ra đĩa CD. Hiện nay, Trung tâm đang thực hiện việc biên dịch nguyên văn nội dung của các tấm Mộc bản này từ tiếng Hán - Nôm sang tiếng Việt.

* *Ngôn ngữ*

Nhiều tài liệu lưu giữ về biển đảo Việt Nam bằng chữ Hán - Nôm hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Sử học... Trong đó, khối tài liệu có nội dung phong phú và có giá trị nhất là Châu bản triều Nguyễn, Địa bạ triều Nguyễn, phong Nha Kinh lược Bắc kỳ.

Khối tài liệu tiếng Pháp hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I gồm hơn 60 phong tài liệu hành chính của các cơ quan cấp Đông Dương, cấp Kỳ, Tòa sứ các tỉnh Bắc kỳ, Toà Đốc lý Hà Nội và một số cơ quan giai đoạn 1946-1954. Các phong tài liệu này phản ánh về tổ chức và hoạt động của bộ máy cai trị của Pháp ở Đông Dương và các mặt hoạt động của xã

hội Việt Nam cũng như Đông Dương trong những năm 1887-1954, trong đó có nhiều tài liệu về biển đảo.

Thư viện Quốc gia Việt Nam hiện lưu giữ nhiều tài liệu về biển đảo Việt Nam bằng các ngôn ngữ: Pháp, Nga, Anh, Hán Nôm.

2. Tính giá trị

- *Giá trị trong việc thực hiện chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ*: NLTT về biển đảo là những bằng chứng pháp lý về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, là cơ sở pháp lý để xây dựng những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm bảo vệ chủ quyền về biển đảo. NLTT về biển đảo có giá trị phục vụ việc giữ gìn chủ quyền an ninh biên giới, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, góp phần để xử lý những vấn đề nảy sinh ở biển Đông được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và trong chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế.

Những bằng chứng về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được thể hiện rất rõ trong NLTT về biển đảo là các văn bản do triều đình phong kiến Việt Nam ban hành từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX, khẳng định Việt Nam đã xác lập và thực thi chủ quyền liên tục đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Những tài liệu bản đồ được lưu giữ chứng tỏ từ thế kỷ XVI các triều đại phong kiến Việt Nam đã khai phá và xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng việc cử người ra hai quần đảo này khai thác hải vật, đo đạc thủy trình, cắm mốc chủ quyền và lập bản đồ để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo này và những vùng biển đảo khác trên biển Đông. Việc Việt Nam khai phá và xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và

Trường Sa cũng được các nhà hàng hải, các nhà địa lý học, thương gia... phương Tây ghi nhận qua những tấm bản đồ xuất bản ở phương Tây từ thế kỷ XVI đến XIX.

- *Giá trị về mặt ngoại giao*: NLTT về biển đảo Việt Nam là một trong những căn cứ để hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, NLTT về biển đảo Việt Nam có giá trị ngoại giao bởi nó là chứng cứ lịch sử trong đấu tranh bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước. Nó chứa đựng những thông tin quá khứ về công tác đối ngoại của đất nước trước đây, giúp cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước hiện nay chính xác và có tầm nhìn xa hơn.

- *Giá trị lịch sử, văn hóa*: NLTT về biển đảo là vô giá, có tính giá trị sử liệu độc đáo về quá trình xác lập và thực thi chủ quyền của một quốc gia biển theo thông lệ quốc tế, là nguồn sử liệu quý giá và quan trọng trong nghiên cứu, biên soạn lịch sử bởi những đặc thù riêng so với các nguồn sử liệu khác. Những thông tin trong tài liệu lưu trữ là loại thông tin có độ xác thực, tin cậy cao, là cơ sở pháp lý và bằng chứng lịch sử để phục vụ tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

- *Giá trị về kinh tế*: NLTT về biển đảo Việt Nam có giá trị quan trọng để phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế biển đảo. Nó cung cấp những thông tin, bằng chứng kịp thời, đầy đủ, chính xác, thích hợp cho các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà kinh tế đưa ra những hoạch định, quyết định đúng đắn về phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ biển đảo. Ưu tiên nguồn lực cho phát triển kinh tế biển đảo và thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển kinh tế-xã hội trên các vùng ven biển, hải đảo.

- *Giá trị về mặt khoa học-công nghệ*:

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học-công nghệ về biển đảo đã huy động số lượng lớn các chuyên gia có kinh nghiệm và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ. Các tổ chức khoa học-công nghệ này đã triển khai hàng trăm đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, cấp thành phố nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ biển trong lĩnh vực điều tra, dự báo, thăm dò, khai thác các loại tài nguyên biển, bảo vệ môi trường biển đảo, ven biển, góp phần cung cấp những thông tin tư liệu có giá trị về biển, đóng góp tích cực vào sự phát triển các ngành kinh tế biển.

3. Tính liên ngành

NLTT về biển đảo Việt Nam mang tính đa ngành, đa lĩnh vực. Tài liệu và thông tin về biển đảo hiện có ở khắp nơi: trong cơ quan nhà nước, trong các tổ chức xã hội và trong nhân dân; được lưu giữ trong các cơ quan lưu trữ, các cơ quan thông tin-thư viện ở Việt Nam và ở các nước. Do lưu giữ ở nhiều nơi và phân tán quá rộng nên không thể có cách tiếp cận sơ cứng theo kiểu tập trung, “độc chiếm” đối với loại NLTT này. Việc quản lý, công bố và tổ chức khai thác chủ yếu tùy thuộc vào chức năng hoạt động của mỗi cơ quan, tổ chức. Từ đây, việc tổ chức NLTT về biển đảo cần đảm bảo sự tích hợp, liên kết trong quá trình tạo lập và phát triển NLTT về biển đảo.

Phương thức liên kết cần được thực hiện theo nhiều chiều (phối hợp bổ sung, chia sẻ dữ liệu, luân chuyển tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu, tạo lập các bộ sưu tập, phát triển không gian thông tin số...) giữa các cơ quan và các ngành, các cấp sẽ mang lại nhiều lợi ích, hiệu quả như: hình thành NLTT tích hợp về biển đảo, đáp

ứng nhu cầu của người dùng tin, tiết kiệm được kinh phí, thời gian, nhân lực, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan thông tin-thư viện, lưu trữ. Tuy nhiên, hiện nay việc liên kết thông tin và phối hợp giữa các thư viện, cơ quan lưu trữ và các cơ quan quản lý nhà nước lưu trữ, các bảo tàng, trung tâm văn hóa, viện nghiên cứu phát triển xã hội, các bộ ngành có liên quan đến ngoại giao, biên giới lãnh thổ... chưa mang tính chất sâu rộng và hoàn thiện.

4. Tính chia sẻ

Khác với các loại thông tin khác, một phần đáng kể các nguồn thông tin tài liệu không công bố về biển đảo còn là tài liệu mang tính chất bảo mật, chưa được giải mật nên khó tiếp cận, vì lẽ đó, NLTT về biển đảo Việt Nam từ trước đến nay ít được chia sẻ.

Cũng vì tài liệu về biển đảo đa số là tài liệu mật, tài liệu hạn chế sử dụng nên việc thực hiện xây dựng một không gian thông tin thống nhất về biển đảo dựa trên sự tương tác và chia sẻ thông tin hiện khó khả thi, từ đó, khai thác NLTT về biển đảo Việt Nam hiện nay còn gặp nhiều khó khăn. Việc thừa nhận tính liên ngành và nhận thức về giá trị hỗn hợp của những thông tin biển đảo là tiền đề để thiết lập và là động lực để đẩy mạnh việc chia sẻ thông tin về biển đảo giữa các chủ thể thông tin. Hiện tượng “đóng kín”, “cục bộ” trong lĩnh vực thông tin biển đảo làm cho việc sử dụng và khai thác NLTT về biển đảo Việt Nam trở nên khó khăn. Tình trạng trên dẫn đến hiện tượng “đóng băng” về một loại NLTT rất quan trọng và đưa đến các hậu quả là không phát huy được hiệu quả của NLTT về biển đảo Việt Nam vốn rất tốn kém về tiền của mới thu thập được. Hơn nữa, tài liệu có thể bị hư hỏng theo thời gian. Trước thực trạng này

nếu không được sự quan tâm đầu tư kịp thời, đúng mức, thì chỉ trong một thời gian không xa nữa, tài liệu về biển đảo sẽ bị hư hỏng, không thể khôi phục được □

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban Biên giới quốc gia, Bộ Ngoại giao (2013), *Tuyển tập các Châu bản triều Nguyễn về thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Hoài (2012), “Tài liệu về biên giới, hải đảo của Việt Nam đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm và phát huy giá trị nguồn sử liệu về biên giới, hải đảo của Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Phạm Thị Huệ, Nguyễn Thị Thúy Bình (2012), “Tài liệu lưu trữ về biên giới, hải đảo Việt Nam đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV và sưu tầm được tại Lưu trữ Pháp”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm và phát huy giá trị nguồn sử liệu về biên giới, hải đảo của Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Hữu Hùng (2004), *Nguồn lực thông tin (Bài giảng cho học viên cao học thông tin-thư viện)*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
5. Nguyễn Hồng Nhung (2012), “Giới thiệu về nguồn tài liệu lưu trữ về biên giới, biển đảo Việt Nam hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm và phát huy giá trị nguồn sử liệu về biên giới, hải đảo của Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Thị Phụng (2013), “Một số đặc trưng của văn bản hành chính trong Châu bản triều Nguyễn”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Châu bản triều Nguyễn - tiềm năng di sản tư liệu*, Hà Nội.